

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty : Công ty CP May Phương Đông
Năm báo cáo: 2007

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1.Những sự kiện quan trọng:

- Tiền thân của Công ty Cổ phần May Phương Đông là xí nghiệp được tách ra từ phân xưởng May tại Gò Vấp thuộc Xí nghiệp May Bình Minh theo quyết định số 505/CNn-TCLĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 1988 lấy tên Xí nghiệp May Phương Đông .
- Ngày 29 tháng 4 năm 1993 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ đổi tên thành Công ty May Phương Đông theo quyết định số 421/CNn-TCLĐ ngày 29 tháng 04 năm 1993 trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ và là thành viên của Tổng Công ty Dệt May Việt Nam
- Kể từ ngày 29 tháng 04 năm 1993 Công ty May Phương Đông trở thành đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam với chức năng chính là Sản xuất kinh doanh và Xuất nhập khẩu trực tiếp trong lĩnh vực may mặc . Công ty không ngừng mở rộng thị trường và khẳng định thương hiệu , sản phẩm áo T-Shirt ,Poloshirt, quần áo thời trang nữ chiếm ưu thế của doanh nghiệp trên thị trường trong nước với nhãn hiệu F.House và Wrap-U.Các thị trường xuất khẩu chính là Mỹ , châu Âu , châu Á ...
- Bắt đầu từ năm 1999 Công ty không ngừng đầu tư mới về chiều rộng và sâu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực sản xuất . Công ty đã được cấp giấy chứng nhận về các hệ thống quản lý chất lượng như ISO 9001, SA 8000, WRAP do tổ chức BVQI Vương quốc Anh cấp .
- Từ một Xí nghiệp trực thuộc , đến nay Công ty May Phương Đông đã trở thành doanh nghiệp có quy mô sản xuất gồm 08 Xí nghiệp thành viên tại TPHCM , , năng lực sản xuất 10 triệu sản phẩm các loại / năm và được bầu là doanh nghiệp tiêu biểu của ngành Dệt May Việt Nam có năng lực cạnh tranh cao năm 2003 &2004.
- Được chuyển thành Công ty cổ phần theo quyết định số 135/2004/QĐ-BCN Ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp .

2.Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, mua bán hàng may mặc, nguyên phụ liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, thuốc nhuộm và các sản phẩm ngành dệt may. Mua bán hàng công nghệ thực phẩm, nông lâm hải sản, thủ công mỹ nghệ, phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, trang thiết bị văn phòng, thiết bị tạo mẫu thời trang, vật liệu điện, điện tử, cao su và các sản phẩm bằng cao su, giấy, bìa giấy và sản phẩm làm bằng bột giấy, thủy tinh , sắt thép và các sản phẩm làm bằng sắt thép, kim loại màu, máy móc thiết bị cơ khí, dụng cụ quang học-đo lường, y

tế, đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý ký gởi vật tư, hàng hóa. Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghiệp và hạ tầng dân dụng.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

-Doanh thu thuần đạt: 514.785.826.954 đ bằng 102,95% so với kế hoạch

-Lợi nhuận sau thuế đạt: 9.727.360.871 đ

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Năm 2007 Công ty đã đầu tư dài hạn và liên doanh liên kết như sau: (xin xem mục VI)

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai :

Chiến lược phát triển ngành nghề của công ty sau cổ phần hoá là trở thành tập đoàn kinh tế hoạt động đa ngành nghề. Bên cạnh việc duy trì phát triển ngành nghề truyền thống sẽ tiếp tục mở rộng đầu tư kinh doanh sang các lĩnh vực khác có tỷ suất sinh lợi cao như bất động sản, xây dựng....., liên doanh liên kết với các công ty nước ngoài, các tập đoàn trong nước .

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính:

-Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27.23	33.56
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		72.77	66.44
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	84.68	82.40
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		15.32	17.60
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.09	0.03
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1.18	1.21
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2.10	3.43
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1.22	1.89
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		13.70	19.48

- Các chỉ tiêu khác:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng</i>
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2007 (đồng)	283.635.676.886
Tổng số cổ phiếu phổ thông	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay
Tổng doanh thu	515,798,836,841
- Doanh thu bán hàng hóa	75,628,101,572
- Doanh thu bán thành phẩm	431,653,871,027
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8,516,864,242
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(1,013,009,887)
Doanh thu thuần	514,785,826,954
<i>Trong đó:</i>	
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	75,628,101,572
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	430,640,861,140
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	8,516,864,242

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	72,644,833,082
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(a)	349,206,079,740
Cộng	421,850,912,822

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	Năm nay
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	222,340,392,944
Chi nhân công trực tiếp	74,640,354,647
Chi phí sản xuất chung	29,075,833,358
Tổng chi phí sản xuất	326,056,580,949
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9,580,047,717
Tổng giá thành sản xuất	335,636,628,666
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	10,468,975,921

Chênh lệch tồn kho hàng gửi bán	484,454,973
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2,616,020,180
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	349,206,079,740

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay
Lãi tiền gửi ngân hàng	97,134,961
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	905,830,495
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	368,553,003
Cổ tức, lợi nhuận được chia	431,568,000
Doanh thu tài chính khác	328,441,895
Cộng	2,131,528,354

4. Chi phí tài chính

	Năm nay
Chi phí lãi vay	9,240,637,706
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2,318,486,987
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1,669,279,619
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	136,384,393
Cộng	13,364,788,705

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay
Chi phí nhân viên	2,163,027,255
Chi phí vật liệu	13,121,252
Chi phí công cụ, dụng cụ	505,723,760
Chi phí khấu hao	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,172,128,918
Chi phí bằng tiền khác	9,998,455,621
Cộng	22,852,456,806

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay
Chi phí nhân viên	31,065,934,834
Chi phí vật liệu	239,756,404
Chi phí đồ dùng văn phòng	1,642,374,635
Chi phí khấu hao	2,383,832,802
Thuế, phí, lệ phí	498,594,467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,805,234,860
Chi phí bằng tiền khác	7,992,733,050
Cộng	50,628,461,052

7. Thu nhập khác

	Năm nay
Thu do thanh lý tài sản cố định	268,461,459
Xử lý công nợ	414,194,889

Thu tiền hỗ trợ	35,381,991
Đánh giá tài sản góp vốn liên doanh	2,850,249,796
Các khoản khác	134,352,023
Cộng	3,702,640,158

-

8. Chi phí khác

	Năm nay
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	349,473,206
Xử lý công nợ	54,345,376
Đánh giá tài sản góp vốn liên doanh	260,762,333
Chi phí khác	415,853,066
Cộng	1,080,433,981

-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9,727,360,871
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9,727,360,871
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.600,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.702

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.600,000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.600,000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	227,738,360,668
Chi phí nhân công	117,065,658,604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,140,569,799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21,227,020,763
Chi phí khác	21,365,888,973
Cộng	399,537,498,807

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được :

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

+Kiểm soát và nâng cao tính hiệu quả của “chất lượng hệ thống” rà soát lại tất cả chức năng nhiệm vụ, nội quy lao động, quy trình làm việc và những nguyên tắc bắt buộc trong các bước tiến hành công việc tại từng phòng ban xí nghiệp

+Rà soát lại toàn bộ định biên và định mức lao động, các định mức kinh tế kỹ thuật tại các đơn vị đảm bảo tốt nhất việc thực hành tiết kiệm thời gian làm việc, vật tư, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị

+Phát huy tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên, áp dụng quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào

+Luôn luôn khuyến khích sự sáng tạo, duy trì việc cải tiến để nâng cao năng suất, tăng thu nhập cho người lao động

+Giảm chi phí, tinh gọn bộ máy quản lý điều hành (đặc biệt là bộ máy gián tiếp)

+Xác định việc duy trì thực hiện ISO là một trong những biện pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đảm bảo duy trì chất lượng sản phẩm bền vững

- Các biện pháp kiểm soát:

+Thực hiện chính sách tiết kiệm xuyên suốt từ các phòng nghiệp vụ tới các xí nghiệp sản xuất . Kiểm soát và siết chặt các chi phí, giá cả vật tư để hạ giá thành sản phẩm

+Công đoàn phối hợp cùng phòng Tổ chức nhân sự tiếp tục tuyên truyền “ quyền và trách nhiệm của người lao động” nhằm nâng cao nhận thức, phục vụ công tác đánh giá theo yêu cầu của khách hàng

+Củng cố hoạt động công đoàn, đoàn thanh niên phải đi sâu vào sản xuất và đảm bảo quyền lợi của người lao động. Tăng cường vai trò của công đoàn cấp tổ, cấp xí nghiệp. Xác định cấp tổ sản xuất/ tổ công đoàn là nơi người lao động tham gia các phong trào thi đua lao động sản xuất. Thực hiện, duy trì kỷ cương nề nếp của công ty (các quy định về đảm bảo chất lượng, trách nhiệm xã hội) v.v...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+Giữ vững và phát triển doanh thu xuất khẩu

+Tập trung phát triển thị trường nội địa

+Đầu tư mở rộng ngành nghề kinh doanh

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trung hạn:

+Chuyên môn hóa các nhà máy, xây dựng mặt hàng chủ lực

+Mở rộng thị phần kinh doanh nội địa

+Kinh doanh ngành nghề khác

Dài hạn:

+Trở thành tập đoàn kinh tế kinh doanh đa ngành nghề

- +Giữ tỷ trọng ngành nghề truyền thống cao
- +Di chuyển nhà máy đến khu vực có lao động ổn định
- +Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong nội thành

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.
(Xin xem phụ lục đính kèm)

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1.Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP May Phương Đông tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực , chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan

2.Kiểm toán nội bộ: Không có

VI. Các công ty có liên quan:

1.Tình hình đầu tư vào các Công ty liên quan:

Công ty đã đầu tư tài chính dài hạn vào các Công ty sau:

- Công ty TNHH Cartina Enterprise VN: 8.472.492.000đ chiếm 49% vốn điều lệ
- Cty CP Đầu tư Vinatex: 8.100.000.000 đ chiếm 10% vốn điều lệ
- Cty CP Đầu tư và phát triển Bình Thắng: 4.031.568.000 đồng chiếm 13,51% vốn điều lệ
- Công ty CP Tex Giang: 3.000.000.000 đ, chiếm 30% vốn điều lệ

2.Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

- Công ty TNHH Cartina Enterprise VN: Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Hoạt động từ tháng 04/2007. Kết quả kinh doanh năm 2007 lỗ 4 tỷ 7
- Cty CP Đầu tư Vinatex: Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu CN và đô thị. Công ty đang triển khai dự án “Phát triển khu CN Bảo Minh-Nam Định
- Cty CP Đầu tư và phát triển Bình Thắng: Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu CN. Kết quả kinh doanh năm 2007 lãi 4 tỷ 8
- Công ty CP Tex Giang: Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Hoạt động từ tháng 03/2007. Kết quả kinh doanh năm 2007 lỗ 35 triệu

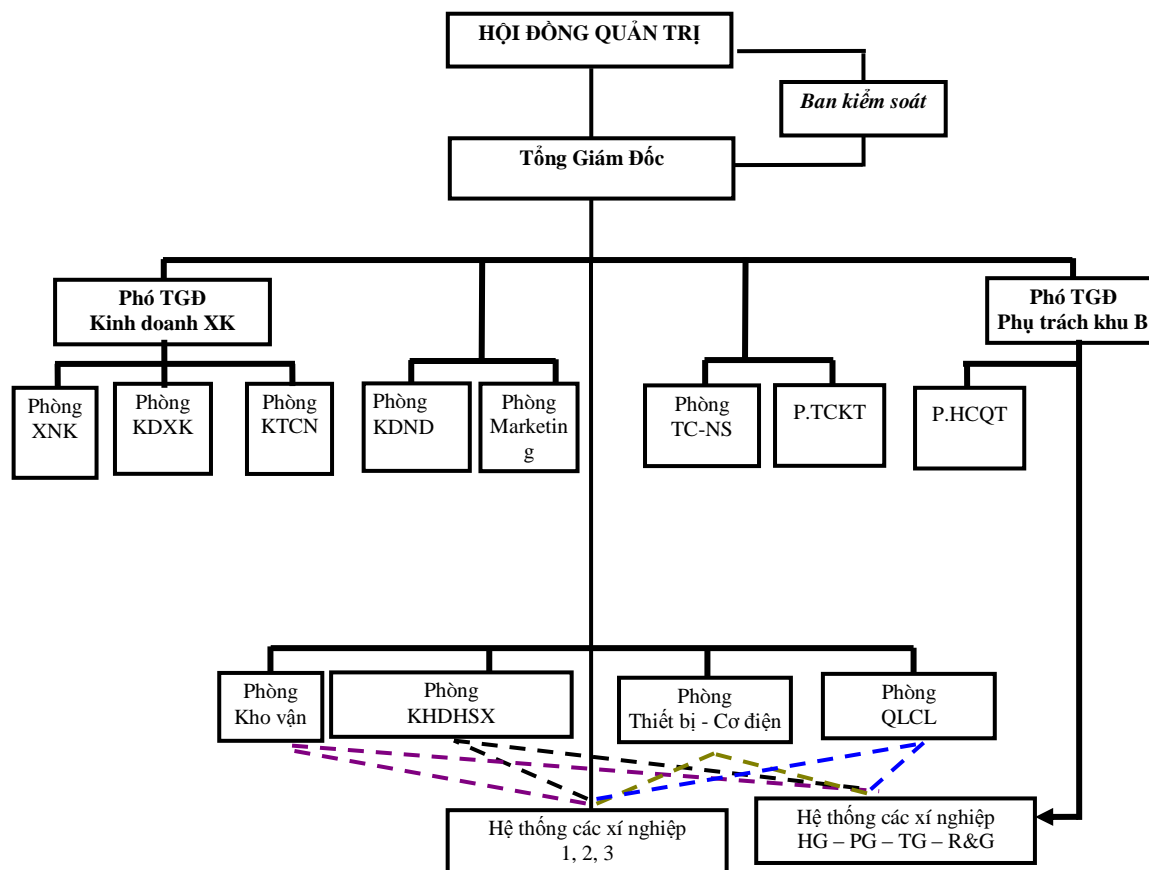
VII. Tổ chức và nhân sự

1-Cơ cấu tổ chức :

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được quy định trong luật doanh nghiệp.

- Đại hội đồng cổ đông : là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty
- Hội đồng Quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các mọi vấn đề liên quan đến mục tiêu, chính sách và quyền lợi của công ty phù hợp với pháp luật và điều lệ công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Tổng giám đốc: là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- Ban kiểm soát: thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



2. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong ban điều hành :

Bà Hoàng Thu Hà : Tổng giám đốc - Ủy Viên HĐQT

- Họ và Tên : **HOÀNG THU HÀ**
- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : 18 tháng 07 năm 1962
- Nơi Sinh : Hà nội
- Quốc Tịch : Việt Nam
- Dân Tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 20/9 Đồng Xoài , Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 08-9876617
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế -Ngành Tài Chính Kế Toán
- Quá trình công tác :

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Đơn vị	Chức Danh nghề nghiệp
1983	1996	Công ty XNK Mây Tre lá BAROTEX Đà Nẵng	Kế toán viên
09/1996	06/1998	Công ty Dịch vụ TM II	Phụ trách kế toán cửa hàng
07/1998	11/1998	Công ty May Phương Đông	Phụ trách kế toán cửa hàng
11/1998	06/1999	Công ty May Phương Đông	Phó phòng - Quyền trưởng phòng Tài chính kế toán
07/1999	08/2001	Công ty May Phương Đông	Trưởng phòng Tài chính kế toán
09/2001	03/2005	Công ty May Phương Đông	Kế toán trưởng
04/2005	06/2007	Công ty CP May Phương Đông	Phó tổng giám đốc
07/2007	Nay	Công ty CP May Phương Đông	Tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty CP May Phương Đông (PDG)
- Số cổ phần nắm giữ : 128.250 cổ phần
- Hành vi pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan : Không
-

Ông Nguyễn Văn Học : Phó tổng giám đốc - Ủy Viên HĐQT

- Họ và Tên : **NGUYỄN VĂN HỌC**
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 09 tháng 09 năm 1962
- Nơi Sinh : Tiền Giang
- Quốc Tịch : Việt Nam

- Dân Tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 227 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 08-8833311
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Đơn vị	Chức Danh nghề nghiệp
1980	1989	Tiếp Khắc	Học Trung cấp cơ khí
1989	09/1990	XN May Phương Đông	Phiên dịch
09/1990	05/1992	XN Giày da Phú Lâm	Phiên dịch
06/1992	08/1999	Công Ty May Phương Đông	Cán bộ nghiệp vụ
09/1999	04/2000	Công Ty May Phương Đông	Phó trưởng phòng ĐDSX
05/2000	12/2003	Công Ty May Phương Đông	Trưởng phòng KHTT
01/2003	03/2005	Công Ty May Phương Đông	Giám đốc điều hành
04/2003	10/2006	Công ty CP May Phương Đông	Giám đốc điều hành
11/2006	Nay	Công ty CP May Phương Đông	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay : Phó tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty CP May Phương Đông (PDG)
- Số cổ phần nắm giữ : 97.530 cổ phần
- Hành vi pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan : Không
-

Bà Lê Thị Thanh : Phó Tổng giám đốc

- Họ và Tên : **LÊ THỊ THANH**
- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : 27 tháng 08 năm 1970
- Nơi Sinh : Hà Tây
- Quốc Tịch : Việt Nam
- Dân Tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : C5 Chợ Hạnh Thông Tây, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 08-9876616 Exit: 112
- Trình độ học vấn : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế -Ngành kinh tế ngoại thương
- Quá trình công tác :

Từ	Đến tháng	Đơn	Chức Danh
----	-----------	-----	-----------

tháng năm	năm	vi	nghề nghiệp
06/1992	03/1993	XNSX chế biến hàng XK	Cán bộ nghiệp vụ
04/1993	11/1997	Công Ty XNK TH 1	Cán bộ nghiệp vụ
12/1997	07/1998	Công Ty DV TM số 2	Cán bộ nghiệp vụ
04/2003	12/2000	Công Ty May Phương Đông	Cán bộ nghiệp vụ
01/2001	11/2001	Công ty May Phương Đông	Phó trưởng phòng KDTH
12/2001	12/2004	Công ty May Phương Đông	Trưởng phòng KDTH
01/2005	03/2005	Công ty May Phương Đông	Giám đốc điều hành
04/2005	10/2006	Công ty CP May Phương Đông	Giám đốc điều hành
11/2006	Nay	Công ty CP May Phương Đông	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay : Phó tổng giám đốc
- Số cổ phần nắm giữ : 67.030 cổ phần
- Hành vi pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không
- Những người có liên quan : Không
-

3- Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm :

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Giang	Tổng giám đốc	16/03/2005	30/06/2007
Hoàng Thu Hà	Tổng giám đốc	30/06/2007	

4 Quyền lợi của BTGD về lương ,thưởng : Ban Tổng giám đốc được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng theo qui chế tiền lương và tiền thưởng của Công ty.

5 Số lượng CBNV& Chính sách đối với người lao động

+ Số lượng người lao động trong công ty (31/12/07):

Phân theo trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
-Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	107	3.7%
-Cán bộ có trình độ ,cao đẳng- trung cấp	184	6.4%
-Lao động có tay nghề, sơ cấp NV	2.539	87,7%
-Lao động ,phổ thông	64	2,2%
Tổng cộng	2.894	100%

+ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp :

- Trong chiến lược phát triển hiện nay yếu tố con người sẽ quyết định sự thành công của Công ty .

- Đảm bảo thu nhập cho người lao động ngày càng cải thiện . ngoài thu nhập các CBCNV được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu cổ phần .
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo đúng với quy định pháp luật .
- **Mức lương bình quân:** Thu nhập bình quân trong năm 2007 của người lao động trong Công ty là 2.152.374 đồng / người.

6 Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng :

- Hội đồng quản trị :

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Hùng	Chủ tịch	01/01/2008	
Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch	16/03/2005	01/01/2008
Bà Nguyễn Bảo Trân	Phó chủ tịch	16/03/2005	07/04/2007
Bà Hoàng Thu Hà	Thành viên	16/03/2005	
Ông Nguyễn Văn Học	Thành viên	16/03/2005	
Ông Nguyễn Đức Hùng	Thành viên	16/03/2005	01/01/2008

- Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Giang	Tổng giám đốc	16/03/2005	30/06/2007
Bà Hoàng Thu Hà	Tổng giám đốc	30/06/2007	
Bà Hoàng Thu Hà	Phó Tổng giám đốc	16/03/2005	30/06/2007
Bà Nguyễn Bảo Trân	Phó Tổng giám đốc	06/12/2000	02/01/2008
Ông Nguyễn Đức Hùng	Phó Tổng giám đốc	01/11/2006	01/01/2008
Ông Nguyễn Văn Học	Phó Tổng giám đốc	01/11/2006	
Bà Lê Thị Thanh	Phó Tổng giám đốc	01/11/2006	

- Ban kiểm soát :

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Trưởng ban	07/04/2007	
Bà Lê Thị Thanh	Trưởng ban	16/03/2005	07/04/2007
Ông Mai Văn Thiên	Thành viên	16/03/2005	26/03/2006
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên	16/03/2005	
Bà Võ Trần Thị Huyền	Thành viên	26/03/2006	

- Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Công Phước	Kế toán trưởng	01/11/2006	20/11/2007
Bà Tôn Nữ Bích Thuận	P.P-Q. TP.TCKT	20/11/2007	01/04/2008
Bà Tôn Nữ Bích Thuận	TP.TCKT	01/04/2008	

VIII Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị :

- Hội đồng quản trị: Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên (trong đó có 2 thành viên độc lập không điều hành), nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 năm.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT:

STT	Thành Viên HĐQT	Số Cổ Phần	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Ông Nguyễn Đức Hùng	157.130	4,36%	Chủ tịch HĐQT
02	Bà Hoàng Thu Hà	128.250	3,56%	UV.HĐQT-Tổng Giám đốc
03	Ông Nguyễn Văn Học	97.530	2,71%	UV.HĐQT-Phó tổng giám đốc
04	Ông Vũ Đức Giang	502.970	13,97%	UV.HĐQT
05	Bà Nguyễn Bảo Trân	128.250	3,56%	UV.HĐQT

- HĐQT hoạt động theo hình thức họp định kỳ và họp bất thường. Ngoài ra, trong một số trường hợp, thành viên HĐQT cho ý kiến bằng văn bản.
- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT: theo kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt, Tổng thù lao cho HĐQT năm 2007 là : 204.000.000

2. Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên (có 3 thành viên là thành viên độc lập không điều hành), nhiệm kỳ của ban kiểm soát là 5 năm.

STT	Thành Viên HĐQT	Ghi chú
01	Bà Trần Thị Ngọc Dung	Trưởng Ban kiểm soát
02	Bà Võ Trần Thị Huyền	Ủy viên Ban kiểm soát
03	Ông Phan Thanh Sơn	Ủy viên Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát họp để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của công ty, kiểm soát chiến lược, kiểm soát hoạt động, kiểm soát báo cáo tài chính.
- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Ban kiểm soát : theo kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt, tổng thù lao cho Ban kiểm soát năm 2007 là : 60.000.000 đồng.

3. Giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát :

- Cô đồng Vũ Đức Giang - Ủy viên HĐQT mua 92.700 cổ phiếu từ ngày 01/01/2007 đến 31/12/2007. Số lượng cổ phiếu sau khi mua: 502.970 CP.
- Cổ đồng Nguyễn Đức Hùng - Chủ tịch HĐQT mua 13.000 cổ phiếu từ ngày 01/11/2007 đến 31/12/2007. Số lượng cổ phiếu sau khi mua: 157.130 CP.
- Cổ đồng Võ Trần Thị Huyền - Ủy viên Ban kiểm soát mua 1.930 cổ phiếu từ ngày 01/07/2007 đến 30/07/2007. Số lượng cổ phiếu sau khi mua: 33.540 CP.

4. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

*Cơ cấu cổ đông đến ngày 31/03/2008:

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
01	Nhà nước	1	918.000	25.50
02	Tổ chức trong nước	1	459.000	12.75
03	Cá nhân trong nước	320	2.223.000	61.75
	Tổng cộng	322	3.600.000	100.00

*** Số lượng cổ đông lớn trong nước (nắm giữ trên 5%) : 3 cổ đông**

- Tập đoàn dệt may Việt Nam (Vinatex) đại diện vốn nhà nước, nắm giữ 918.000 cổ phần (tỷ lệ 25.50%)
- Công ty TNHH chứng khoán ACB, nắm giữ 459.000 cổ phần (tỷ lệ 12.75%)
- Cổ đông Vũ Đức Giang, nắm giữ 502.970 cổ phần (tỷ lệ 13.97%)

*** Cổ đông nước ngoài : Không có**

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ) ĐVT: VND*

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	212.540.524.565	188.441.662.050
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.213.400.932	5.919.979.214
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	112.354.329.628	112.767.319.542
4	Hàng tồn kho	79.069.942.027	64.890.664.692
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.902.851.978	4.863.698.602
II	Tài sản dài hạn	79.522.077.737	95.194.014.836
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	74.693.258.644	69.976.993.269
	- Tài sản cố định hữu hình	72.587.696.548	67.930.354.781
	- Tài sản cố định vô hình	869.627.795	2.046.638.488
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.235.934.301	
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.600.000.000	21.285.573.013
5	Tài sản dài hạn khác	1.228.819.093	3.931.448.554
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	292.062.602.302	283.635.676.886
IV	Nợ phải trả	247.312.518.254	233.704.671.933
1	Nợ ngắn hạn	215.496.256.106	204.499.089.565
2	Nợ dài hạn	31.816.262.148	29.205.582.368
V	Vốn chủ sở hữu	44.750.084.048	49.931.004.953
1	Vốn chủ sở hữu	44.498.723.357	49.460.100.120
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	36.000.000.000	36.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.080.000.000	1.080.000.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	2.273.005.012	4.755.282.469
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.145.718.345	7.624.817.651
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	251.360.691	470.904.833
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	251.360.691	373.564.641
	- Nguồn kinh phí		97.340.192
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	292.062.602.302	283.635.676.886

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	515.798.836.841	515.798.836.841
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.013.009.887	1.013.009.887
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	514.785.826.954	514.785.826.954
4	Giá vốn hàng bán	421.850.912.822	421.850.912.822
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.934.914.132	92.934.914.132
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.131.528.354	2.131.528.354
7	Chi phí tài chính	13.364.788.705	13.364.788.705
8	Chi phí bán hàng	22.852.456.806	22.852.456.806
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.628.461.052	50.628.461.052
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.220.735.923	8.220.735.923
11	Thu nhập khác	3.702.640.158	3.702.640.158
12	Chi phí khác	1.080.433.981	1.080.433.981
13	Lợi nhuận khác	2.622.206.177	2.622.206.177
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.842.942.100	10.842.942.100
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.354.133.482	1.354.133.482
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(238.552.253)	(238.552.253)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.727.360.871	9.727.360.871
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.702	2.702

III.A. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27.23	33.56
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		72.77	66.44
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	84.68	82.40
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		15.32	17.60
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.09	0.03
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1.18	1.21
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2.10	3.43
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1.22	1.89
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		13.70	19.48

